TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/11/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXX-ST ngày 04/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Vợ chồng NLQ2, sinh năm 1966 và NLQ3, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Vợ chồng NLQ4, sinh năm 1967 và NLQ5, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. NLQ6, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

5. NLQ7, sinh năm 1955; Địa chỉ: khu phố P3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Phạm Quốc Dân, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Văn Nhơn, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2014 thì đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do nguyên đơn và mẹ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, bị đơn nghe lời mẹ nên đánh đập nguyên đơn. Vào đầu năm 2018, do mẹ chồng đánh và đuổi nguyên đơn ra khỏi nhà nên nguyên đơn về nhà cha mẹ đẻ ở. Từ đó cho đến nay, các đương sự không còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Nay nguyên đơn xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thiên Ph, sinh ngày 12/4/2015, hiện đang nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung:

- Có 02 chỉ vàng y 9999 hiện nay bị đơn đang quản lý. Số vàng này do trước đây hai vợ chồng có cho vợ chồng ông NLQ2, bà NLQ3 mượn 05 chỉ vàng y 9999, sau đó vợ chồng ông NLQ2, bà NLQ3 đã trả cho bị đơn 05 chỉ, bị đơn đã trả cho vợ chồng ông NLQ4, bà NLQ5 03 chỉ mà vợ chồng đã mượn, còn lại 02 chỉ vàng hiện bị đơn đang giữ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn 01 chỉ vàng y 9999.

- 01 cái máy bơm nước D15 sử dụng cho hồ nuôi tôm hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ6 đang quản lý. Nguyên đơn thống nhất bán cho ông NLQ6 2.000.000 đồng, ông NLQ6 đưa lại mỗi người 1.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không còn bất kỳ tài sản chung nào khác.

Về nợ chung:

- Hai vợ chồng có nợ bà NLQ7 số tiền 12.461.000 đồng do mua thức ăn cho tôm. Nguyên đơn đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ này cho bà NLQ7.

- Vợ chồng có cho ông NLQ6 mượn 02 chỉ vàng y 9999. Nguyên đơn ý kiến ông NLQ6 có trách nhiệm trả lại cho mỗi người 01 chỉ vàng y 9999.

- Đối với tiền thuê hồ nuôi tôm: Trước đây, vào năm 2015 và 2016 vợ chồng có thuê hồ nuôi tôm của ông NLQ6 trong thời gian 02 năm, mỗi năm thuê 3.500.000 đồng (7.000.000 đồng/02 năm) nhưng chưa trả. Nguyên đơn ý kiến mỗi người có trách nhiệm trả cho ông NLQ6 số tiền 3.500.000 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Trần Văn H trình bày: Thống nhất quá trình kết hôn như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn như ý kiến của nguyên đơn, bị đơn không đánh đập nguyên đơn, hiện bị đơn vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ với nguyên đơn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thiên Ph, sinh ngày 12/4/2015, hiện đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa cho ly hôn, bị đơn xin nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Trước đây hai vợ chồng có cho vợ chồng ông NLQ2, bà NLQ3 mượn 05 chỉ vàng y 9999, sau đó vợ chồng ông NLQ2, bà NLQ3 đã trả cho bị đơn 05 chỉ, bị đơn đã trả cho vợ chồng ông NLQ4, bà NLQ5 03 chỉ mà vợ chồng đã mượn, còn lại 02 chỉ vàng y 9999. Do bị đơn không có việc làm nên đã tiêu xài hết số vàng này, bị đơn không đồng ý trả lại cho nguyên đơn 01 chỉ; 01 cái máy bơm nước D15, bị đơn thống nhất bán cho ông NLQ6 2.000.000 đồng, ông NLQ6 phải trả lại cho mỗi người 1.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng có nợ bà NLQ7 số tiền 12.461.000 đồng do mua thức ăn cho tôm. Bị đơn thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ cho bà NLQ7.

Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc hai vợ chồng có thuê hồ nuôi tôm của ông NLQ6 trong thời gian 02 năm, mỗi năm thuê 3.500.000 đồng (7.000.000 đồng/02 năm) nhưng chưa trả và nguyên đơn ý kiến mỗi người có trách nhiệm trả cho ông NLQ6 số tiền 3.500.000 đồng. Bị đơn cho rằng, trước đây ông NLQ6 có cho vợ chồng hồ để nuôi tôm chứ không có cho thuê như nguyên đơn đã trình bày nên bị đơn không đồng ý trả tiền thuê hồ nuôi tôm cho ông NLQ6.

Tại biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ6 trình bày: Tôi có mượn của vợ chồng Trần Văn H, Nguyễn Thị P 02 chỉ vàng y 9999 và hiện có giữ 01 máy bơm nước D15. Đối với 02 chỉ vàng thì tôi đồng ý trả lại cho Trần Văn H, Nguyễn Thị P mỗi người 01 chỉ. Đối với 01 máy bơm nước D15 hiện nay tôi đang quản lý, tôi đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng và sẽ trả cho mỗi người 1.000.000 đồng.

Vào năm 2015 và 2016, tôi có cho vợ chồng Trần Văn H, Nguyễn Thị P thuê hồ nuôi tôm 02 năm với giá 3.500.000 đồng/năm (7.000.000 đồng/02 năm) nhưng hai vợ chồng chưa trả tiền cho tôi. Nay hai vợ chồng ly hôn, tôi yêu cầu mỗi người trả lại cho tôi số tiền 3.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ7 trình bày: Trước đây vợ chồng Trần Văn H, Nguyễn Thị P có mua thức ăn cho tôm, hiện còn nợ lại số tiền 12.461.000 đồng. Nay vợ chồng Trần Văn H, Nguyễn Thị P ly hôn, tôi yêu cầu Trần Văn H, Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho tôi toàn bộ số tiền nợ trên.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày.

Người làm chứng Phạm Quốc Dân và Huỳnh Văn Nhơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và làm nghề nuôi tôm gần hồ nuôi tôm của ông NLQ6 nên người làm chứng biết được việc ông NLQ6 có cho vợ chồng Trần Văn H, Nguyễn Thị P thuê hồ nuôi tôm trong 02 năm 2015 và 2016 với giá mỗi năm là 3.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 453 của Bộ luật Dân sự; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị P được ly hôn với bị đơn Trần Văn H. Về con chung: Giáo cháu Trần Thiên Ph, sinh ngày 12/4/2015, hiện đang ở với nguyên đơn cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 01 chỉ vàng y 9999; ông NLQ6 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 1.000.000 đồng tiền mua máy bơm nước D15 và 01 chỉ vàng y 9999. Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà NLQ7 6.230.500 đồng; trả cho ông NLQ6 3.500.000 đồng tiền thuê hồ nuôi tôm. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị P xin ly hôn với bị đơn Trần Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án

nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị P và bị đơn Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, được UBND xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 28/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Các đương sự không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm và chăm sóc nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Thiên Ph, sinh ngày 12/4/2015 cho nguyên đơn Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức 1/2 mức lương sơ sở (Mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng/tháng) là 695.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2018 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bị đơn Trần Văn H thừa nhận mình có quản lý 02 chỉ vàng y 9999 nhưng đã chi tiêu cá nhân hết nên phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị P 01 chỉ vàng y 9999; ông NLQ6 thống nhất mua lại mua máy bơm nước D15 là tài sản chung của hai vợ chồng với số tiền 2.000.000 đồng và có nợ hai vợ chồng Trần Văn H, Nguyễn Thị P 02 chỉ vàng y 9999 nên ông NLQ6 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 1.000.000 đồng tiền mua máy bơm nước D15 và 01 chỉ vàng y 9999.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm phải trả cho bà NLQ7 số tiền 6.230.500 đồng do mua thức ăn nuôi tôm là có căn cứ thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Mặc dù bị đơn không thừa nhận có thuê hồ nuôi tôm của ông NLQ6 như ông NLQ6 và nguyên đơn đã trình bày; nhưng xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của người làm chứng nên Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông NLQ6, buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải trả cho ông NLQ6 số tiền 3.500.000 đồng do thuê hồ nuôi tôm.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng và án phí đối với nghĩa vụ về tài sản; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng và án phí đối với nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ về tài sản phải trả cho nguyên đơn, bị đơn. Giá vàng y 9999 vào thời điểm xét xử là 3.500.000 đồng/01 chỉ được dùng làm căn cứ để tính án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 472; Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị P được ly hôn với bị đơn Trần Văn H.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Thiên Ph, sinh ngày 12/4/2015 (hiện đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng) cho nguyên đơn Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức 1/2 mức lương sơ sở (Mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng/tháng) là 695.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2018 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

- Giao nguyên đơn Nguyễn Thị P được sở hữu 01 chỉ vàng y 9999 (Do bị đơn Trần Văn H đang quản lý số tài sản chung là 02 chỉ vàng y 9999 giao lại); 1.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y 9999 (Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 1.000.000 đồng mua máy bơm nước D15 và 01 chỉ vàng y 9999).

- Giao bị đơn Trần Văn H được sở hữu 01 chỉ vàng y 9999 (Trong số tài sản chung là 02 chỉ vàng y 9999 mà bị đơn Trần Văn H đang quản lý); 1.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y 9999 (Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 1.000.000 đồng mua máy bơm nước D15 và 01 chỉ vàng y 9999).

Bị đơn Trần Văn H có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị P 01 chỉ vàng y 9999. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người 1.000.000 đồng mua máy bơm nước D15 và 01 chỉ vàng y 9999.

Về nợ chung: Nguyên đơn Nguyễn Thị P và bị đơn Trần Văn H mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà NLQ7 6.230.500 đồng và ông NLQ6 số tiền 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/11/2018), nếu nguyên đơn Nguyễn Thị P; bị đơn Trần Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành nói trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0009937 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải chịu 661.525 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 661.525 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010302, ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên còn phải tiếp tục nộp 150.000 đồng.

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7 312.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010135, ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã B, TP. T,
Phú Yên (Số nn, ngày nn/nn/2014);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thúy Hằng